

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO
DỤC THƯỜNG XUYÊN¹

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tháng 12/2024

I. THÔNG TIN CHUNG²

- Tên trường: **TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI**
- Địa điểm trụ sở chính: Trường MN Sao Mai – Địa chỉ: 75/20/6 Huỳnh Văn Cù, khu 4, phường Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Qua quá trình thành lập và phát triển: Trường thành lập theo quyết định 73/QĐ UBND, ngày 03/08/1987 quyết định về việc thành lập Trường MG Sao Mai; Quyết định số 357/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 3 năm 2017 quyết định về việc đổi tên trường MG Sao Mai thành Trường Mầm non Sao Mai.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Tỉnh Bình Dương
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Thành phố Thủ Dầu Một
Xã/phường/thị trấn	Phường Hiệp Thành
Đạt CQG	Mức độ 1
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1987
Công lập	x
Tư thực	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Lệ Nga
Điện thoại	0274.3821293
Fax	
Website	mn-saomai@tptdm.edu.vn
Số điểm trường	1
Loại hình	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

SỐ TT	Nội dung	T S	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
	Tổng số CBQL GV NV		TS	T.S	Đ H	CĐ	T C	H. IV	H. III	H. II	T	K	Đạt	CĐ
I	Giáo viên	16			10	5	1				3	13		
1	Nhà trẻ	2			1	1			2		1	1		
2	Mẫu giáo	14			9	4	1	1	8	5	2	12		
II	Cán bộ quản lý	3			3				2	1	3			
1	Hiệu trưởng	1			1					1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2		2			
III	Nhân viên	11												
1	Nhân viên văn thư	1												
2	Nhân viên kế toán	1			1					1				
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1					1	1						
5	Nhân viên khác	8												

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

Nhà trường có diện tích đất rộng 7.631,8 m² (với diện tích đất bình quân 43.11 m²/trẻ) đảm bảo điều kiện diện tích đất theo tiêu chuẩn quy định.

Trường có đủ khối phòng hành chính- quản trị, khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập, khối phòng tổ chức ăn cho trẻ đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất Mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT- BGDDĐT ngày 26/5/2020. Các lớp học sạch sẽ, trang trí sáng đẹp có đồ dùng, đồ chơi thiết bị dạy học đạt trên 90% đồ dùng theo danh mục tối thiểu, có đủ nhà vệ sinh phục vụ cho trẻ.

TT	Số liệu	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	6	8	
1	Phòng kiên cố	6	8	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	

II	Khối phòng phục vụ học tập (Thể Chất, Âm nhạc)	2	2	
1	Phòng kiên cố	2	2	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	9	9	01 phòng HT, 02 phòng PHT, 01 phòng hành chính, 01 phòng Y tế; 01 phòng văn thư; 01 văn phòng, 01 phòng bảo vệ; 01 phòng nhân viên
1	Phòng kiên cố	9	9	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	1	1	
1	Nhà ăn	1	1	
2	Phòng kiên cố	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	2	2	01 phòng Tin học, 01 phòng Thư viện
1	Số lượng thiết bị đồ dùng			

	đồ chơi hiện có theo thông tư 02 trên 90 %			
2	Số lượng thiết bị đồ dùng đồ chơi hiện có theo thông tư 02 dưới 90 %			
3	Thiết bị ĐDDC ngoài trời			
	Cộng	18	20	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo quyết định số 1857/QĐ SGDĐT ngày 22/12/2021 của Sở giáo dục Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc công nhận trường MN Sao Mai, thành phố Thủ Dầu Một đạt kiểm định chất lượng giáo dục

Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 3255/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc công nhận Trường MN Sao Mai đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

Nội dung thực hiện	Năm học 2024-2025
HỌC SINH	
Tổng số học sinh	177 trẻ/8 lớp
Số lớp ghép	0
Số trẻ học lớp ghép	Tổng số 0 trẻ.

Số trẻ học bán trú	177/177; Tỷ lệ: 100%
Trẻ khuyết tật	0
Trẻ được chăm sóc nuôi dưỡng	177/177; Tỷ lệ: 100%
Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường	152/177; Tỷ lệ 85.87 %
Trẻ đạt Giáo dục lễ giáo	Tỷ lệ 88,17 %;
Trẻ đạt Lao động vệ sinh	Tỷ lệ 87,6 %;
Trẻ đạt bé chuyên cần	94,74 % (Trong đó, khối lá: 95,35 %) (NT: 94,25 %)
Trẻ đạt bé ngoan	Tỷ lệ 92,17 %;

Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	Đạt 100 %
----------------------------------	-----------

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

Số TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	
A	TỔNG THU			
I	Số thu phí, lệ phí	247,140,000	367,740,000	
1	Thu học phí lệ phí	247,140,000	367,740,000	
2	Khác	-	-	
II	Thu từ NSNN cấp (dự toán giao)	4,685,441,914	3,528,787,514	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3,944,528,739	2,791,848,960	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	740,913,175	736,938,554	
B	TỔNG CHI			
I	Chi từ nguồn học phí	204,618,984	318,097,820	
1	Chi sự nghiệp bậc học mầm non	204,618,984	318,097,820	
a	<i>Chi 60% hoạt động từ nguồn thu học phí</i>	204,618,984	146,284,328	
b	Chi 40% bù lương từ nguồn thu học phí	-	171,813,492	
II	CHI TỪ NGUỒN NSNN			
I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3,944,528,739	2,791,848,960	
6000	Tiền lương	1,579,272,012	997,450,400	
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	488,938,680	468,936,000	
6100	Phụ cấp lương	703,165,243	426,511,472	

6200	Thưởng thường xuyên	83,000,000		
6250	Chi khác			
6250	Phúc lợi tập thể			
6300	Các khoản đóng góp	552,638,778	385,470,761	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	223,750,000	227,130,000	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	72,850,594	50,816,102	
6550	Vật tư văn phòng		13,298,000	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	7,417,897	7,464,703	
6700	Công tác phí		3,000,000	
6750	Chi phí thuê mướn		956,800	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	131,183,735	79,705,400	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	95,311,800	110,989,322	
7050	Mua sắm tài sản vô hình		13,000,000	
7750	Chi khác	7,000,000	7,120,000	
7950	Chi khác			
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	740,913,175	736,938,554	
6105	Phụ cấp làm thêm giờ	251,722,065	393,584,574	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	7,050,000	4,650,000	
6400	Chi các khoản thanh toán cho cá nhân	349,811,120	251,033,980	
6750	Chi phí thuê mướn	11,050,000	17,460,000	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí không thường xuyên	47,599,990		
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	9,600,000	8,100,000	

7750	Chi khác	64,080,000	62,110,000	
8049	Chi hỗ trợ khác			

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

Thực hiện phong trào thi đua “xây dựng trường mầm non hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm”, thi giáo viên giỏi trường – Cấp dưỡng nấu ăn giỏi cấp trường và cấp thành phố, có 7/12 giáo viên-cấp dưỡng tham gia dự thi.

Thực hiện hiệu quả chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện *Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 – 2025”*. *Cụ thể hóa và thực hiện tốt thông điệp hành động “Niềm vui của con là hạnh phúc của ba mẹ và cô giáo”*. và xây dựng mô hình “*Khu trải nghiệm của bé*”. Tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm của bé nâng cao chất lượng thực hiện mô hình “*Trường mầm non xanh, sạch, đẹp, an toàn*”.

- Thực hiện hiệu quả các chuyên đề trọng tâm trong năm, chương trình “*Tôi yêu Việt Nam*” tổ chức thành công Hội thi: “*Bé vui vận động với an toàn giao thông*” cấp cơ sở. Tham gia Hội thi an toàn giao thông cấp thành phố. Qua hội thi trẻ khắc sâu hơn các kiến thức đã được cô cung cấp về luật giao thông, và tuân thủ các biển báo khi tham gia giao thông trên đường.

- Duy trì thực hiện tốt chuyên đề “*Xây dựng trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm*”, thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ, cộng đồng xã hội tham gia. Cải thiện, làm mới các khu vực sân chơi, quy hoạch, cải tạo vườn hoa của trường làm khu vui chơi vận động ngoài trời cho trẻ trong năm

- Kết quả học BDTX năm 2023 - 2024: CBQL hoàn thành 03/03, giáo viên hoàn thành: 13/15 giáo viên. (02 giáo viên hoãn học do nghỉ hậu sản vào tháng 9+10/2023) và đăng ký học chương trình BDTX 2024-2025 là 03 CBQL, 16 GV. Năm học 2024-2025 CBGV đăng ký tham gia học BDTX đạt 100%.

- Các đề tài sáng kiến nâng cao chất lượng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Hoàn thành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của trường: 01 giáo viên tham gia học nâng cao chuẩn trình độ ĐHMN; 01 CBQL và 03 giáo viên hoàn thành lớp TCCT; 06 giáo viên và nhân viên hoàn thành lớp Sơ cấp chính trị khoá 3 năm 2024. Đảm bảo 02 giáo viên/lớp. Giáo viên được tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Năm học 2024- 2025 có 01 GV học TCCT.

- Tạo điều kiện cho CBQL và GV cốt cán được đi tập huấn ứng dụng PPGD tiên tiến Steam, ứng dụng CNTT trong giảng dạy, tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng sư phạm và dự các chuyên đề của PGD&ĐT, Chuyên môn Cụm 4 tổ chức (Cô Nguyễn Thị Lan, cô Đỗ Thị Loan dạy chuyên đề : “*Ứng dụng Steam trong HĐVC*”. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên theo đợt, đề củng cố các kiến thức về chuyên môn nhằm giúp cho giáo viên của trường nắm vững cách thức cách XD “*Xây dựng trường mầm non xanh-an toàn-hạnh phúc*” và “*Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm*”, tập trung đi sâu nâng cao chất lượng “*Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ*” và “*Ứng dụng PPGD tiên tiến trong tổ chức HĐ giáo dục*”, để phát triển toàn diện cho trẻ.

- Phối hợp tốt với Ban đại diện Cha mẹ trẻ thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tổ chức tốt các ngày lễ, hội tại lớp, trường trang trọng đúng quy định. Tổ chức thành công các hoạt động cho trẻ như: chương trình Tôi yêu Việt Nam, tổ chức thành công hoạt động trải nghiệm như tham quan Lò bánh ít, tham quan trường tiểu học, lễ tổng kết năm học, QTTN 1/6, tết trung thu, ngày hội đến trường của bé, lễ hội mừng xuân.... Huy động mọi nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường, đạt được những kết quả theo kế hoạch vận động tài trợ đề ra để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Thu hút được sự tham gia của cha mẹ trẻ và địa phương vào các hoạt động lễ hội.

Thực hiện tham mưu kịp thời với địa phương, sự phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể của địa phương và cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non; Đổi mới sinh hoạt chuyên môn; Tăng cường hình thức theo cụm, khối, tổ, nhóm, tập trung, qua mạng; bồi dưỡng kỹ năng thực hành “tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm”; Nâng cao năng lực CBQL, giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ. Tham gia các hội thi cấp trường, tham gia hội thi GVDG, CD nấu ăn giỏi cấp thành phố, Ngày Hội “ Bé với sản phẩm Stem/Steam).

Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kế thừa, quan tâm đến giáo viên giỏi, trẻ; tạo điều kiện cho giáo viên cốt cán tham gia lớp trung cấp chính trị. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, tình thương, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên đối với trẻ. Bồi dưỡng kỹ năng UDCNTT.

Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính trong trường mầm non; Các quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non.

Triển khai các nhiệm vụ bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; Thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Lệ Nga